

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /2009/TT-BVHTTDL

*Hà Nội, ngày tháng năm 2009*

**Dự thảo 3**  
(Ngày 02 /11/2009)

**THÔNG TƯ**

**Quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số \*\*/2009/NĐ-CP ngày tháng năm 2009 của Chính phủ**

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số \*\*/2009/NĐ-CP ngày \*\* tháng \*\* năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng;

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số \*\*/2009/NĐ-CP ngày \*\* tháng \*\* năm 2009 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số \*\*/2009/NĐ-CP) như sau:

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định chi tiết thi hành những nội dung sau đây của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số \*\*/2009/NĐ-CP:

- a) Quy định chung;
- b) Quy định về lưu hành, kinh doanh băng, đĩa ca nhạc sân khấu;
- c) Quy định về tổ chức lễ hội;
- d) Quy định về hoạt động vũ trường;
- đ) Quy định về hoạt động karaoke;
- e) Quy định về hoạt động trò chơi điện tử;

g) Quy định về biểu diễn nghệ thuật quần chúng.

2. Các hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, thi hoa hậu, trình diễn thời trang, triển lãm văn hoá, nghệ thuật, dạy nhạc, dạy khiêu vũ ngoài các cơ sở đào tạo công lập thực hiện theo văn bản quy định chi tiết riêng đối với từng lĩnh vực.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Một số từ ngữ quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số \*\*/2009/NĐ-CP (sau đây gọi là Quy chế) được hiểu như sau:

1. Các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá và các hình thức vui chơi giải trí khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quy chế

a) Các dịch vụ văn hoá khác gồm: Thu âm (phòng thu nhạc và lời); ghi hình (quay camera); chụp ảnh, in, phóng ảnh; vẽ truyền thần, vẽ tranh, sao chép tranh; làm tượng; sản xuất hàng mã; dạy khiêu vũ, dạy nhạc và các dịch vụ có nội dung văn hoá khác.

b) Các hình thức vui chơi giải trí khác gồm: Các trò chơi dân gian; biểu diễn nghệ thuật quần chúng và các hình thức vui chơi giải trí có nội dung văn hoá khác.

c) Các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá và các hình thức vui chơi giải trí khác ngoài qui định tại các điểm a và b khoản này.

2. Các lễ hội quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy chế

a) Lễ hội dân gian là lễ hội được tổ chức nhằm tôn vinh người có công với nước, với cộng đồng; thờ cúng thần thánh, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hoá, đạo đức xã hội.

b) Lễ hội lịch sử, cách mạng là lễ hội được tổ chức nhằm tôn vinh những danh nhân, sự kiện lịch sử cách mạng.

c) Lễ hội văn hoá, thể thao, du lịch là lễ hội được tổ chức để quảng bá về văn hoá, thể thao, du lịch bao gồm các Festival, liên hoan văn hoá, thể thao, du lịch, tuần văn hoá, thể thao, du lịch, tuần văn hoá - du lịch - thương mại, tháng văn hoá - du lịch, năm văn hoá - du lịch.

d) Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài tổ chức tại Việt Nam là lễ hội do tổ chức của Việt Nam hoặc tổ chức nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tổ chức nhằm giới thiệu giá trị văn hoá tốt đẹp của nước ngoài với công chúng Việt Nam.

3. Cơ quan hành chính nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 30 Quy chế bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức

chính trị - xã hội các cấp, doanh trại Công an, Quân đội; các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán các nước.

4. Trường học quy định tại khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 30 Quy chế bao gồm các trường mẫu giáo, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân.

### **Điều 3. Quy định cấm trong hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng**

1. Các hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá có nội dung kích động bạo lực, truyền bá các hành vi tội ác tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế là những hoạt động trong đó có hình ảnh, ngôn ngữ, âm thanh, hành động miêu tả cảnh đánh đập, tra tấn, giết người dã man, tàn bạo và những hành vi khác xúc phạm đến nhân phẩm con người, trái với truyền thống yêu hoà bình và nhân ái của dân tộc Việt Nam, không nhằm tố cáo tội ác, không nhằm đề cao chính nghĩa, bao gồm:

- a) Mô tả cảnh đầu rơi, máu chảy, cắt chặt bộ phận cơ thể con người;
- b) Mô tả cảnh đâm chém, đâm đá, đánh đập tàn bạo;
- c) Mô tả cảnh rùng rợn, kinh dị, quẫn quại, đau đớn của con người;
- d) Mô tả cảnh thoả mãn, khoái trá của kẻ gây tội ác;
- đ) Mô tả các hành động tội ác khác.

2. Các hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá có nội dung thể hiện lối sống dâm ô đồi trụy tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế là những hoạt động có hình ảnh, ngôn ngữ, âm thanh, hành động khêu gợi, kích thích dâm ô, trụy lạc, vô luân, loạn luân trái với truyền thống đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam, bao gồm:

- a) Mô tả bộ phận sinh dục, hành động tình dục giữa người với người, giữa người với súc vật, hành động thủ dâm dưới mọi hình thức;
- b) Mô tả khoả thân, kích thích tình dục;
- c) Mô tả nhu cầu tình dục.

3. Trường hợp trên các sản phẩm văn hoá, trong các hoạt động văn hoá có những nội dung quy định tại khoản 2 Điều này để làm rõ tính cách nhân vật phải phù hợp với chủ đề của tác phẩm hoặc hoạt động cụ thể.

4. Hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá có nội dung mê tín dị đoan tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế là những hoạt động có nội dung làm mê hoặc người khác, trái với tự nhiên, gây tác động xấu về nhận thức, bao gồm: Cúng khấn trừ tà ma, chữa bệnh bằng phù phép, lên đồng phán truyền, xem bói, xin xăm, xóc thẻ, truyền bá sấm trạng, phù chú, cầu lợi cho mình gây hại cho người

khác bằng cách yếm bùa, đốt đồ mã ở nơi công cộng và các hình thức mê tín dị đoan khác.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép lưu hành và cấp nhãn kiểm soát băng, đĩa ca nhạc, sân khấu**

1. Băng, đĩa ca nhạc, sân khấu lưu hành rộng rãi quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế là băng, đĩa lưu hành với số lượng từ 50 bản trở lên.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép lưu hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Quy chế phải nộp lưu chiểu 02 bản băng, đĩa có nội dung được cấp giấy phép lưu hành ngay khi nhận giấy phép.

3. Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) cấp giấy phép lưu hành, cấp nhãn kiểm soát băng, đĩa ca nhạc, sân khấu quy định tại điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 5 Quy chế và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

4. Nguồn gốc băng, đĩa ca nhạc, sân khấu quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Quy chế cần ghi rõ đầu tư sản xuất, mua lại của chủ sở hữu trong nước hoặc nhập khẩu từ nước ngoài.

5. Sau khi hết thời hạn lưu chiểu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Quy chế, Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn tổ chức thanh lý và báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức thanh lý và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

#### **Điều 5. Biểu diễn nghệ thuật quần chúng**

1. Biểu diễn nghệ thuật quần chúng không phải xin cấp giấy phép biểu diễn. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật quần chúng (sau đây gọi là người tổ chức biểu diễn nghệ thuật quần chúng) phải tuân theo các quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9, điểm a, điểm c và điểm e khoản 2 Điều 10 Quy chế.

a) Biểu diễn nghệ thuật quần chúng trong khu dân cư, trong nội bộ cơ quan, tổ chức nhằm mục đích phục vụ nhiệm vụ chính trị hoặc đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá, văn nghệ ở cơ sở do người tổ chức biểu diễn chịu trách nhiệm.

b) Khi tổ chức biểu diễn nghệ thuật quần chúng ngoài phạm vi nội bộ cơ quan, tổ chức thì người tổ chức biểu diễn phải có văn bản thông báo với Phòng Văn hoá - Thông tin nơi biểu diễn ít nhất 07 ngày trước ngày biểu diễn. Nội

dung thông báo ghi rõ: Mục đích, phạm vi, nội dung chương trình, thời gian, địa điểm biểu diễn.

c) Cơ quan, tổ chức Việt Nam khi phối hợp với cơ quan, tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam tổ chức biểu diễn nghệ thuật quần chúng phải có văn bản thông báo với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nơi biểu diễn ít nhất 10 ngày trước ngày biểu diễn. Nội dung thông báo như quy định tại điểm b khoản này.

d) Cơ quan, tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam khi tổ chức biểu diễn nghệ thuật quần chúng ngoài phạm vi nội bộ phải phối hợp với cơ quan, tổ chức có chức năng hoạt động văn hoá nghệ thuật của Việt Nam và cơ quan, tổ chức Việt Nam phối hợp tổ chức phải có văn bản thông báo với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch như quy định tại điểm c khoản này.

## 2. Liên hoan nghệ thuật quần chúng

a) Liên hoan nghệ thuật quần chúng có sự tham gia của các ngành, giới theo các cấp hành chính ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định và thành lập Ban tổ chức;

b) Liên hoan nghệ thuật quần chúng khu vực (có sự tham gia của nhiều tỉnh) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đăng cai quyết định và thành lập Ban tổ chức;

c) Liên hoan nghệ thuật quần chúng toàn quốc do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức, Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập Ban tổ chức.

d) Liên hoan nghệ thuật quần chúng trong các ngành, đoàn thể theo các cấp hành chính do người đứng đầu ngành, đoàn thể cấp hành chính đó quyết định và thành lập Ban tổ chức. Quyết định thành lập ban tổ chức và kế hoạch tổ chức phải gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá, thể thao và du lịch cùng cấp ít nhất là 15 ngày trước khi diễn ra cuộc liên hoan.

đ) Liên hoan nghệ thuật quần chúng có mời đoàn nghệ thuật quần chúng nước ngoài tham gia, đơn vị chủ trì tổ chức phải có văn bản báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá, thể thao và du lịch cấp trên trực tiếp. Nội dung báo cáo ghi rõ: Đối tác mời, mục đích, phạm vi, chương trình, thời gian, địa điểm biểu diễn.

## 3. Tổ chức, hoạt động của đoàn nghệ thuật quần chúng

a) Đoàn nghệ thuật quần chúng thành lập theo các quy định của pháp luật;

b) Đoàn nghệ thuật quần chúng đi biểu diễn ở địa phương khác phải có văn bản thông báo cho Phòng Văn hoá - Thông tin địa phương nơi đoàn đến biểu diễn ít nhất 10 ngày trước ngày biểu diễn. Nội dung thông báo ghi rõ: Nội

dung chương trình, thời gian, địa điểm biểu diễn; biểu diễn giao lưu hay bán vé; người chịu trách nhiệm tổ chức.

### **Điều 6. Thủ tục đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại các cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát**

Cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát tổ chức cho đoàn nghệ thuật, nghệ sĩ nước ngoài biểu diễn tại cơ sở của mình không bán vé thu tiền xem biểu diễn quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế thực hiện thủ tục đăng ký với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch như sau:

1. Ít nhất 10 ngày trước ngày dự định tổ chức biểu diễn, người tổ chức biểu diễn phải gửi văn bản đăng ký đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch sở tại.

2. Văn bản đăng ký phải ghi rõ: Tên chương trình, vở diễn; nội dung chương trình, vở diễn; danh sách tác giả, đạo diễn, biên đạo, nhạc sĩ, họa sĩ, diễn viên; thời gian, địa điểm biểu diễn.

3. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tiếp nhận bản đăng ký biểu diễn phải ghi vào sổ và cấp cho người đăng ký giấy tiếp nhận đăng ký biểu diễn (*mẫu số*).

### **Điều 7. Quy định về báo cáo bằng văn bản khi tổ chức lễ hội**

Việc báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các lễ hội khi tổ chức không phải xin phép quy định tại Điều 19 Quy chế được thực hiện như sau:

1. Trước ngày tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày, cơ quan tổ chức lễ hội gửi văn bản báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền như sau:

a) Gửi đến Phòng Văn hoá - Thông tin đối với lễ hội do cấp xã tổ chức;

b) Gửi đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đối với lễ hội do cấp huyện tổ chức;

2. Nội dung báo cáo ghi rõ: Thời gian, địa điểm, nội dung, chương trình, kịch bản lễ hội (nếu có); quyết định thành lập và danh sách Ban Tổ chức lễ hội.

3. Cơ quan có thẩm quyền về văn hoá, thể thao và du lịch sau khi nhận được văn bản báo cáo có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện.

### **Điều 8. Nếp sống văn minh trong lễ hội**

Người đến dự lễ hội phải thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội quy định tại Điều 21 Quy chế như sau:

1. Thực hiện đúng các quy định của Ban tổ chức đối với người đến dự lễ hội;

2. Ăn mặc đảm bảo thuần phong mỹ tục dân tộc;

3. Không thực hiện các hoạt động mê tín dị đoan; không tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức;

4. Không gây mất trật tự, an ninh; không làm cản trở giao thông và các hoạt động công cộng;

5. Giữ gìn vệ sinh môi trường lễ hội và thực hiện đúng những quy định của Ban Tổ chức lễ hội và Ban Quản lý di tích đối với những nơi có di tích.

### **Điều 9. Viết, đặt biển hiệu**

Tên cơ quan chủ quản trực tiếp viết trên biển hiệu quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Quy chế là cơ quan cấp trên trực tiếp quyết định về tổ chức, nhân sự, ngân sách hoặc giải quyết các chế độ chính sách cho cơ quan, tổ chức viết, đặt biển hiệu, như Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ quản trực tiếp của Nhà xuất bản Thế giới, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội là cơ quan chủ quản trực tiếp của Sở Giáo dục đào tạo Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội là cơ quan chủ quản trực tiếp của Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Tổng công ty X là cơ quan chủ quản trực tiếp của Công ty X.

Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Kế hoạch đầu tư không phải là cơ quan chủ quản trực tiếp của văn phòng luật sư hoặc các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, trừ trường hợp các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp ra quyết định thành lập và quyết định bổ nhiệm chức danh lãnh đạo công ty.

### **Điều 10. Điều kiện kinh doanh và hoạt động kinh doanh vũ trường**

1. Khoảng cách từ 200 m trở lên quy định tại khoản 1 Điều 24 Quy chế tính từ cửa phòng khiêu vũ đến cổng trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước. Khoảng cách đó chỉ áp dụng trong các trường hợp trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước có trước, chủ địa điểm kinh doanh đăng ký kinh doanh hoặc xin giấy phép kinh doanh sau.

2. Người điều hành trực tiếp tại phòng khiêu vũ phải có trình độ trung cấp chuyên ngành văn hóa - nghệ thuật trở lên quy định tại khoản 2 Điều 24 Quy chế bao gồm các ngành nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, điện ảnh, văn hóa quần chúng, quản lý văn hóa.

3. Âm thanh vang ra ngoài phòng khiêu vũ không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép quy định tại khoản 3 Điều 27 Quy chế được đo tại phía ngoài cửa sổ và cửa ra vào phòng khiêu vũ.

### **Điều 11. Phạm vi kinh doanh vũ trường**

Phạm vi kinh doanh vũ trường quy định tại Điều 26 Quy chế được hiểu là chỉ được kinh doanh tại các vũ trường có đủ điều kiện quy định tại Điều 24 và

khoản 1 Điều 25 Quy chế. Kinh doanh vũ trường hoặc tổ chức cho khách khiêu vũ tại địa điểm kinh doanh nhằm mục đích kinh doanh ngoài các cơ sở đó đều bị coi là vi phạm quy định tại Điều 26 Quy chế.

### **Điều 12. Điều kiện kinh doanh và hoạt động kinh doanh karaoke**

1. Cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp khi kinh doanh karaoke không phải xin giấy phép kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 66 của Luật Du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005 nhưng kinh doanh karaoke phải có đủ điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 30 Quy chế;

2. Cửa phòng karaoke quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy chế phải là cửa kính không màu; nếu có khung thì không được quá hai khung dọc và ba khung ngang; diện tích khung không quá 15% diện tích cửa.

3. Khoảng cách từ 200 m trở lên quy định tại khoản 4 Điều 30 Quy chế áp dụng như quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này;

4. Địa điểm kinh doanh karaoke trong khu dân cư phải được sự đồng ý bằng văn bản của các hộ liên kề quy định tại khoản 5 Điều 30 Quy chế được thực hiện như sau:

a) Hộ liên kề là hộ có tường nhà ở liền kề với tường phòng hát karaoke hoặc đất liền kề mà tường nhà ở cách tường phòng hát karaoke dưới 5m.

b) Hộ liên kề có quyền đồng ý cho người kinh doanh karaoke trong trường hợp hộ liên kề đã ở từ trước, người kinh doanh xin Giấy phép kinh doanh sau.

Trường hợp người kinh doanh đã được cấp Giấy phép kinh doanh trước, hộ liên kề xây dựng nhà ở sau hoặc được quyền đến ở sau khi người kinh doanh đã được cấp Giấy phép kinh doanh thì hộ liên kề không có quyền quy định tại khoản 5 Điều 30 Quy chế.

c) Văn bản đồng ý của hộ liên kề phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sở tại, do người xin Giấy phép kinh doanh nộp trong hồ sơ xin cấp giấy phép và có giá trị trong suốt thời hạn người kinh doanh được quyền kinh doanh quy định trong giấy phép.

d) Trường hợp hộ liên kề không có văn bản đồng ý nhưng cũng không phản đối thì được coi là không có ý kiến và phải có văn bản xác định hộ liên kề không có ý kiến. Văn bản xác định hộ liên kề không có ý kiến được hiểu là hộ liên kề không sử dụng quyền quy định tại khoản 5 Điều 30 Quy chế.

4. Âm thanh vang ra ngoài phòng karaoke không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép quy định tại khoản 2 Điều 32 Quy chế được đo tại phía ngoài cửa sổ và cửa ra vào phòng karaoke.

5. Cơ sở kinh doanh dịch vụ tổ chức hoạt động karaoke tại nơi kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của nhân viên thuộc cơ sở mình quy định tại khoản 2 Điều

33 Quy chế, phải riêng biệt với khu vực kinh doanh và không được để cho khách vào hát karaoke tại nơi giành cho nhân viên thuộc cơ sở mình.

Cơ sở kinh doanh dịch vụ tổ chức hoạt động karaoke tại nơi kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của khách dù không thu riêng tiền dịch vụ karaoke mà chỉ thu tiền ăn, uống hoặc dịch vụ khác cũng phải có đủ điều kiện kinh doanh karaoke quy định tại Điều 30 và phải được cấp giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Quy chế.

### **Điều 13. Hồ sơ và thủ tục xin cấp giấy phép kinh doanh vũ trường, karaoke**

Hồ sơ và thủ tục xin cấp giấy phép kinh doanh vũ trường, karaoke quy định tại khoản 2 Điều 25 và khoản 2 Điều 31 Quy chế thực hiện như sau:

1. Người xin cấp giấy phép kinh doanh vũ trường nộp hồ sơ xin cấp giấy phép tại Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; xin cấp giấy phép kinh doanh karaoke nộp hồ sơ xin cấp giấy phép tại Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp huyện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Hồ sơ xin phép gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh (*mẫu số* )
- b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có giá trị pháp lý;
- c) Hợp đồng giữa người xin giấy phép kinh doanh với người điều hành hoạt động trực tiếp tại phòng khiêu vũ, kèm theo bản sao có giá trị pháp lý văn bằng của người điều hành (đối với kinh doanh vũ trường);
- d) Văn bản đồng ý của các hộ liền kề hoặc văn bản xác định hộ liền kề không có ý kiến (đối với kinh doanh karaoke).

3. Cơ quan cấp giấy phép kinh doanh có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế của người xin giấy phép kinh doanh và đối chiếu với quy hoạch để cấp giấy phép (*mẫu số* ).

### **Điều 14. Điều kiện kinh doanh và hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử**

1. Hoạt động trò chơi điện tử quy định tại Quy chế không bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

2. Khoảng cách từ 200m trở lên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Quy chế tính từ cửa hàng trò chơi điện tử đến cổng các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2010.
2. Bãi bỏ các văn bản sau đây:
  - a) Quyết định số 165/VH-QĐ ngày 18 tháng 8 năm 1987 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá ban hành Quy chế Hội diễn nghệ thuật quần chúng;
  - b) Thông tư số 05/TT-PC ngày 08 tháng 01 năm 1996 hướng dẫn thực hiện Quy chế “Lưu hành, kinh doanh phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc; bán, cho thuê xuất bản phẩm; hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá nơi công cộng; quản cáo, viết, đặt biển hiệu” ban hành kèm theo Nghị định số 87/CP ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ;
  - c) Thông tư số 35/2002/TT-BVHTT ngày 20 tháng 12 năm 2002 của Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn bổ sung một số quy định về hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá nơi công cộng tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 87/CP ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ;
  - d) Thông tư số 69/2006/TT-BVHTT ngày 28 tháng 8 năm 2006 của Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số quy định về kinh doanh vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định 11/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ.
3. Các quy định do Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ban hành trước đây không thuộc các văn bản quy định tại khoản 2 Điều này có nội dung trái với các quy định tại thông tư này đều bị bãi bỏ.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức cần phản ánh kịp thời về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC, AT ( ).

**BỘ TRƯỞNG**

**Hoàng Tuấn Anh**